

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017
(đã được soát xét)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban điều hành	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	06-37
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11-37

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban điều hành Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ Công TNHH Tiến Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Quang	Ủy viên
Bà Phạm Thị Hồng	Ủy viên
Ông Dương Quang Bình	Ủy viên
Ông Đặng Tuấn Đại	Ủy viên

Các thành viên của Ban điều hành đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Bình	Phó Tổng Giám đốc
Bà Đào Thị Kim Loan	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Thị Hồng Liễu	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12/03/2017
Bà Trương Thị Thu Hiền	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 12/03/2017
Bà Lê Thị Hồng Liễu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12/03/2017
Bà Cao Thị Hoài Thu	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/03/2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban điều hành Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban điều hành Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban điều hành Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban điều hành



Nguyễn Mạnh Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 22 tháng 07 năm 2017

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban điều hành
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được lập ngày 22 tháng 07 năm 2017, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 08 tháng 08 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.292.779.668.543	1.771.901.209.296
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	104.111.420.383	85.175.085.583
111	1. Tiền		67.201.711.493	44.684.379.519
112	2. Các khoản tương đương tiền		36.909.708.890	40.490.706.064
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	7.661.049.532	10.969.265.025
121	1. Chứng khoán kinh doanh		9.707.823.450	17.202.950.886
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(2.046.773.918)	(6.233.685.861)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		377.621.126.096	271.776.478.184
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	351.238.317.383	231.788.795.209
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	14.147.559.779	25.647.413.515
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	10.620.000.000	10.620.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	5.455.651.043	6.559.562.191
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.840.402.109)	(2.839.292.731)
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.758.132.112.540	1.393.933.544.679
141	1. Hàng tồn kho		1.775.267.785.576	1.414.547.457.418
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(17.135.673.036)	(20.613.912.739)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		45.253.959.992	10.046.835.825
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		884.833.126	704.161.403
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		44.369.068.813	9.342.652.843
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	58.053	21.579
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		633.480.905.462	621.924.923.999
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		10.600.000	10.600.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	10.600.000	10.600.000
220	II. Tài sản cố định		319.796.634.942	327.164.715.799
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	197.250.806.175	205.030.467.684
222	- Nguyên giá		363.251.214.028	363.052.370.099
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(166.000.407.853)	(158.021.902.415)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	122.545.828.767	122.134.248.115
228	- Nguyên giá		131.160.907.720	130.115.306.720
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(8.615.078.953)	(7.981.058.605)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	26.005.034.255	-
231	- Nguyên giá		26.005.034.255	-
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		66.927.074.273	89.515.555.921
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	66.927.074.273	89.515.555.921
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	208.435.937.956	192.719.868.209
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		208.435.937.956	192.719.868.209
260	VI. Tài sản dài hạn khác		12.305.624.036	12.514.184.070
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	12.305.624.036	12.514.184.070
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.926.260.574.005	2.393.826.133.295

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.519.286.723.940	1.083.987.954.593
310	I. Nợ ngắn hạn		1.519.137.123.940	1.083.832.154.593
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	178.414.583.372	103.765.251.200
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	9.230.031.035	15.985.001.879
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	43.132.629.570	38.016.018.602
314	4. Phải trả người lao động		2.374.876.309	6.693.770.636
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		308.351.008	1.187.782.860
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		72.000.000	72.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	19	4.578.152.766	2.585.591.103
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	1.275.639.476.654	909.660.303.087
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.387.023.226	5.866.435.226
330	II. Nợ dài hạn		149.600.000	155.800.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		149.600.000	155.800.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.406.973.850.065	1.309.838.178.702
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.406.973.850.065	1.309.838.178.702
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		846.455.640.000	846.455.640.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		846.455.640.000	846.455.640.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		21.743.395.153	21.743.395.153
415	3. Cổ phiếu quỹ		(8.993.360.790)	(8.993.360.790)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		51.546.932.622	51.546.932.622
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		469.497.269.840	373.898.475.504
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		290.712.911.504	(83.008.033.868)
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		178.784.358.336	456.906.509.372
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		26.723.973.240	25.187.096.213
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.926.260.574.005	2.393.826.133.295


Đỗ Thị Kim Dung
Người lập


Đào Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 22 tháng 07 năm 2017


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	2.259.982.253.176	1.902.390.622.352
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	23	485.878.830	300.377.659
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.259.496.374.346	1.902.090.244.693
11	4. Giá vốn hàng bán	24	1.972.844.231.634	1.563.090.804.014
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		286.652.142.712	338.999.440.679
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	4.110.113.320	3.324.370.016
22	7. Chi phí tài chính	26	33.389.079.531	27.287.981.546
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		35.914.815.442	26.936.212.035
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		15.716.069.747	12.127.032.952
25	9. Chi phí bán hàng	27	24.458.134.066	22.546.121.477
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	22.160.362.790	16.541.363.314
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		226.470.749.392	288.075.377.310
31	12. Thu nhập khác		2.467.205.050	2.083.127.860
32	13. Chi phí khác		1.006.056.014	661.158.089
40	14. Lợi nhuận khác		1.461.149.036	1.421.969.771
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		227.931.898.428	289.497.347.081
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	45.437.453.483	28.527.407.492
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	2.102.510.261
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		182.494.444.945	258.867.429.328
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		178.784.358.336	254.399.203.034
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		3.710.086.609	4.468.226.294
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	30	2.149	3.058
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	31	1.951	3.058


Đỗ Thị Kim Dung
Người lập

Đồng Nai, ngày 22 tháng 07 năm 2017


Đào Thị Kim Loan
Kế toán trưởng


Nguyễn Mạnh Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		227.931.898.428	289.497.347.081
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		10.919.282.779	10.900.840.520
03	- Các khoản dự phòng		(6.664.042.268)	(44.469.129.522)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(17.254.451.543)	(13.806.743.905)
06	- Chi phí lãi vay		35.914.815.442	26.936.212.035
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		250.847.502.838	269.058.526.209
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(141.938.290.541)	2.177.221.468
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(360.720.328.158)	(622.723.169.999)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		67.358.058.109	4.662.297.453
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		27.888.311	(1.418.662.337)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		7.495.127.436	5.312.874.953
14	- Tiền lãi vay đã trả		(36.811.281.125)	(27.870.772.788)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(44.327.000.180)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(459.412.000)	(148.094.500)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(258.527.735.310)	(370.949.779.541)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(7.038.369.270)	(9.068.639.861)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		227.272.727	136.363.636
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.479.865.086	1.602.557.103
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.331.231.457)	(7.329.719.122)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.066.148.321.751	2.031.201.722.791
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(1.700.169.148.184)	(1.647.323.401.179)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(83.183.872.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		282.795.301.567	383.878.321.612
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		18.936.334.800	5.598.822.949

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2017	2016
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		85.175.085.583	98.467.847.773
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>104.111.420.383</u>	<u>104.066.670.722</u>



Đỗ Thị Kim Dung
Người lập



Đào Thị Kim Loan
Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Hà
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Đồng Nai, ngày 22 tháng 07 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thép Tiến Lên được chuyển đổi từ Công TNHH Tiến Lên có chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4702000255 cấp ngày 22 tháng 11 năm 2001 thành công ty cổ phần; hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3600512830 đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 17 tháng 02 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 846.455.640.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 846.455.640.000 đồng; tương đương 84.645.564 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Buôn bán vật liệu xây dựng, trong đó sản phẩm chủ yếu là các sản phẩm về sắt thép.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết: Bán buôn sắt, thép, nhôm, đồng nguyên liệu;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng các công trình công ích;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ trở xuống);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bốc xếp hàng hóa; Dịch vụ kho vận;
- Cho thuê nhà phục vụ mục đích kinh doanh (ki-ốt, trung tâm thương mại); Cho thuê kho, bãi đỗ xe;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: tư vấn, thiết kế kết cấu công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: bán buôn vật liệu xây dựng, gỗ cây và gỗ chế biến (không chứa hàng tại trụ sở);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: gia công cơ khí, (trừ xi mạ - không gia công tại trụ sở).

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**Cấu trúc Tập đoàn**

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Đại Phúc	Thành phố Hồ Chí Minh	95,83%	95,83%	Sản xuất và kinh doanh thép
Công ty TNHH Thép Tây Nguyên	Thành phố Hồ Chí Minh	97,35%	97,35%	Sản xuất và kinh doanh thép
Công ty TNHH Một thành viên Thép Phúc Tiến	Thành phố Hà Nội	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh thép

- Các công ty con do Công ty sở hữu gián tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Phúc Tiến Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên	100,00%	100,00%	Sản xuất và kinh doanh thép
Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng	Thành phố Hải Phòng	72,00%	72,00%	Sản xuất và kinh doanh thép

- Công ty có các công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2017 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Tỉnh Đồng Nai	48,00%	48,00%	Sản xuất và kinh doanh thép

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ, đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định và bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm	
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm	
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm	
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm	
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm	
- Phần mềm máy tính	03 năm	
- Quyền sử dụng đất có thời hạn		Trích khấu hao theo thời hạn sử dụng đất
- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn		Không trích khấu hao

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.17 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.18 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	194.563.854	267.558.962
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	67.007.147.639	44.416.820.557
Các khoản tương đương tiền	36.909.708.890	40.490.706.064
	104.111.420.383	85.175.085.583

Tại 30/06/2017, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng có giá trị 36.909.708.890 đồng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,6 %/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Chứng khoán kinh doanh**

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Tổng giá trị cổ phiếu	9.707.823.450	(2.046.773.918)	17.202.950.886	(6.233.685.861)
<i>Công ty Cổ phần Kinh Đô</i>	-	-	3.493.732.750	(949.232.750)
<i>Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội</i>	-	-	2.728.887.200	(1.469.287.200)
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh địa ốc Tân Kỳ</i>	-	-	2.302.065.000	(502.190.000)
<i>Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí</i>	1.580.867.750	(523.367.750)	-	-
<i>Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát</i>	1.232.846.500	-	-	-
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Công nghiệp Tân Tạo</i>	1.264.393.750	(562.393.750)	-	-
<i>Các cổ phiếu khác</i>	5.629.715.450	(961.012.418)	8.678.265.936	(3.312.975.911)
	9.707.823.450	(2.046.773.918)	17.202.950.886	(6.233.685.861)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

b) Đầu tư góp vốn vào Công ty liên doanh, liên kết

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam với tỷ lệ lợi ích và biểu quyết là 48%. Giá gốc của khoản đầu tư không thay đổi tại ngày đầu năm và cuối kỳ là 172.800.000.000 đồng. Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu của khoản đầu tư tại ngày đầu năm và cuối kỳ lần lượt là 192.719.868.209 đồng và 208.435.937.956 đồng.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	47.581.673.685	66.881.519.384
Công ty Cổ phần Cơ Khí Xây Dựng Thương Mại Đại Dững	2.227.851.147	4.575.474.729
Lim Hok Chhoum Steel	22.848.974.084	-
Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Thép Thành Chung	49.757.069.732	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	228.822.748.735	160.331.801.096
	351.238.317.383	231.788.795.209
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	47.581.673.685	66.881.519.384
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Các khoản trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa nhập khẩu	3.269.139.180	-	9.520.119.000	-
Trả trước cho người bán khác	10.878.420.599	-	16.127.294.515	-
	14.147.559.779	-	25.647.413.515	-

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Hoàn Cầu (*)	10.620.000.000	10.620.000.000
	10.620.000.000	10.620.000.000

(*) Phải thu về cho vay đối với Công ty TNHH Hoàn Cầu không tính lãi suất.

8 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	66.080.807	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	19.959.931	-	4.932.335	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	666.060	-
Tạm ứng	2.694.308.650	-	5.748.955.900	-
Ký cược, ký quỹ	5.658.135	-	25.516.252	-
Các khoản chi hộ	2.133.710.975	-	-	-
Phải thu khác	602.013.352	-	713.410.837	-
	5.455.651.043	-	6.559.562.191	-

(1) Công trình Đền Lư là dự án xây dựng tòa nhà văn phòng 07 tầng phát sinh tại Công ty TNHH MTV Tháp Phúc Tiên từ năm 2013. Hiện nay Công ty đang có kế hoạch nâng tầng dự án nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

(2) Giá trị quyền sử dụng đất là 9D2 - Khu công nghiệp Tân Tạo phát sinh tại Công ty TNHH Tháp Tây Nguyễn. Hiện nay, Công ty TNHH Tháp Tây Nguyễn đang thực hiện các thủ tục pháp lý với đối tác và các bên có liên quan để hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Tháp Tây Nguyễn.

	30/06/2017	01/01/2017
Xây dựng cơ bản dở dang	66.927.074,273	88.980.555,921
- Xây dựng chi nhánh tại Long Thành	55.919.307,748	55.919.307,748
- Xây dựng nhà kho tại Đa Năng	-	23.277.486,947
- Công trình Đền Lư (1)	4.766.423,430	4.766.423,430
- Giá trị quyền sử dụng đất là 9D2 (2)	3.440.235,598	3.440.235,598
- Các công trình khác	2.801.107,497	1.577.102,198
Mua sắm tài sản cố định	-	535.000,000
- Chi phí mua phần mềm máy tính	-	535.000,000
Tổng cộng	66.927.074,273	89.515.555,921

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	30/06/2017	01/01/2017
Giá gốc	1.775.267,785,576	1.414.547,457,418
Dư phòng	(17.135,673,036)	1.414.547,457,418
Giá gốc	1.758.132,112,540	1.414.547,457,418
Hàng mua đang đi	13.226,616,358	853,087,051
đường	-	-
Nguyên liệu, vật	689.766,661,964	305,491,433,320
liệu	223,052,005	334,427,453
Công cụ, dụng cụ	-	-
Chi phí sản xuất	1.727,917,922	1.727,917,922
kinh doanh dở dang	71,282,108,858	45,150,469,076
Thành phẩm	999,041,428,469	1.060,990,122,596
Hàng hoá	(13,461,997,646)	1.060,990,122,596
Tổng cộng	1.758.132,112,540	1.414.547,457,418

10. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2017	01/01/2017
Giá gốc	3.920,074,745	3.920,074,745
Giá trị có thể	79,672,636	79,672,636
thu hồi	79,672,636	79,672,636
Giá trị có thể	3.840,402,109	3.840,402,109
thu hồi	1.119,250,731	1.119,250,731
Giá gốc	2.800,824,014	2.800,824,014
Giá trị có thể	2.800,824,014	2.800,824,014
thu hồi	-	-
Giá gốc	1.119,250,731	1.119,250,731
Tổng giá trị các khoản phải thu,	1.119,250,731	1.119,250,731
cho vay quá hạn thanh toán hoặc	-	-
chưa quá hạn nhưng khó có khả	-	-
năng thu hồi	-	-
Công ty TNHH Một thành	-	-
viên Quỳnh Anh Minh	-	-
- Các khoản khác	2.800,824,014	2.800,824,014
Tổng cộng	3.840,402,109	3.840,402,109

9. NỢ XÂY

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	152.778.677.313	140.503.548.952	68.342.199.936	1.099.073.395	328.870.503	363.052.370.099
- Mua trong kỳ	-	-	1.218.575.455	1.186.000.000	-	2.404.575.455
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	171.640.208	-	-	-	-	171.640.208
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.377.371.734)	-	-	(2.377.371.734)
Số dư cuối kỳ	152.950.317.521	140.503.548.952	67.183.403.657	2.285.073.395	328.870.503	363.251.214.028
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	47.525.491.077	67.659.409.643	41.743.043.863	787.837.341	306.120.491	158.021.902.415
- Khấu hao trong kỳ	2.872.598.650	4.519.636.440	2.832.849.243	60.178.098	-	10.285.262.431
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(2.306.756.993)	-	-	(2.306.756.993)
- Phân loại lại	-	(341.259.216)	341.259.216	-	-	-
Số dư cuối kỳ	50.398.089.727	71.837.786.867	42.610.395.329	848.015.439	306.120.491	166.000.407.853
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	105.253.186.236	72.844.139.309	26.599.156.073	311.236.054	22.750.012	205.030.467.684
Tại ngày cuối kỳ	102.552.227.794	68.665.762.085	24.573.008.328	1.437.057.956	22.750.012	197.250.806.175

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 41.146.468.701 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	130.031.806.720	83.500.000	130.115.306.720
- Mua trong kỳ	-	1.045.601.000	1.045.601.000
Số dư cuối kỳ	130.031.806.720	1.129.101.000	131.160.907.720
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	7.897.558.605	83.500.000	7.981.058.605
- Khấu hao trong kỳ	516.486.960	117.533.388	634.020.348
Số dư cuối kỳ	8.414.045.565	201.033.388	8.615.078.953
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	122.134.248.115	-	122.134.248.115
Tại ngày cuối kỳ	121.617.761.155	928.067.612	122.545.828.767

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

	Giá trị quyền sử dụng đất	Nhà	Cơ sở hạ tầng	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	10.783.345.700	8.125.242.617	7.096.445.938	26.005.034.255
Số dư cuối kỳ	10.783.345.700	8.125.242.617	7.096.445.938	26.005.034.255
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	-	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	10.783.345.700	8.125.242.617	7.096.445.938	26.005.034.255

Bất động sản đầu tư chờ tăng giá toàn bộ là quyền sử dụng đất, nhà và cơ sở hạ tầng tại Đà Nẵng. Công ty xây dựng với mục đích nắm giữ chờ tăng giá và không trích khấu hao.

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	139.569.659	145.760.337
Giá trị quyền thuê đất góp vốn thành lập công ty con Phúc Tiến Hải Phòng (*)	10.500.000.000	10.500.000.000
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.666.054.377	1.868.423.733
	12.305.624.036	12.514.184.070

(*) Đây là giá trị quyền thuê đất nhận góp vốn vào Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng. Tại thời điểm hiện tại, Các bên tham gia góp vốn chưa hoàn thành các thủ tục pháp lý có liên quan để chuyển quyền thuê đất cho Công ty TNHH Phúc Tiến Hải Phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Bright ruby resources Pte Limited	-	-	12.229.201.085	12.229.201.085
Công ty TNHH Metal one Vietnam	42.442.436.606	42.442.436.606	22.580.029.942	22.580.029.942
Công ty TNHH Marubeni-Itochu Steel Việt Nam	119.823.540.863	119.823.540.863	57.632.153.775	57.632.153.775
Phải trả các đối tượng khác	16.148.605.903	16.148.605.903	11.323.866.398	11.323.866.398
	178.414.583.372	178.414.583.372	103.765.251.200	103.765.251.200
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	5.774.893.249	5.774.893.249	5.774.893.249	5.774.893.249

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Xích KMC Việt Nam	1.558.197.734	2.481.710.430
Công ty TNHH MTV Anh Quý Quyền	-	699.897.000
Công ty TNHH Thương mại Đức Hiền	-	8.892.009.653
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại thép Hùng Cường	-	870.531.164
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	5.963.244.298	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Sao Đỏ	-	605.020.000
Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	1.708.589.003	2.435.833.632
	9.230.031.035	15.985.001.879

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIÊN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	150.723.617	177.742.584.879	177.893.308.496	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	2.646.353.512	2.646.353.512	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	37.747.583.678	45.489.513.952	44.327.000.180	-	38.910.097.450
Thuế Thu nhập cá nhân	21.579	117.711.307	4.274.532.067	169.747.728	58.053	4.222.532.120
Các loại thuế khác	-	-	234.193.816	234.193.816	-	-
	21.579	38.016.018.602	230.387.178.226	225.270.603.732	58.053	43.132.629.570

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	290.470.688	292.819.112
- Bảo hiểm xã hội	1	1.942.279
- Bảo hiểm y tế	3.960.880	1.023.460
- Bảo hiểm thất nghiệp	955.210	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.182.934.082	8.032.500
- Phải trả Bà Phạm Thị Hồng	901.187.945	1.451.236.775
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.198.643.960	830.536.977
	4.578.152.766	2.585.591.103

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

20 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Biên Hòa	211.336.853.532	211.336.853.532	279.314.859.963	276.681.018.750	213.970.694.745	213.970.694.745
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Biên Hòa	129.153.347.942	129.153.347.942	86.015.328.211	139.281.847.942	75.886.828.211	75.886.828.211
- Ngân hàng TMCP Quân đội	43.852.368.779	43.852.368.779	61.055.699.644	60.881.368.779	44.026.699.644	44.026.699.644
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Đồng Nai	8.781.000.000	8.781.000.000	151.702.000.000	97.025.000.000	63.458.000.000	63.458.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Đồng Nai	7.579.000.000	7.579.000.000	12.744.000.000	15.750.000.000	4.573.000.000	4.573.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	127.457.920.821	127.457.920.821	211.960.915.276	132.469.148.367	206.949.687.730	206.949.687.730
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gò Vấp	106.147.000.000	106.147.000.000	306.579.000.000	231.845.000.000	180.881.000.000	180.881.000.000
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	123.468.875.933	123.468.875.933	204.922.745.600	149.146.044.475	179.245.577.058	179.245.577.058
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Tân Phú	-	-	249.955.000.000	159.812.000.000	90.143.000.000	90.143.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	-	-	99.252.002	99.252.002	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

20 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2017		Trong kỳ		30/06/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Hưng Yên	27.166.973.022	27.166.973.022	185.092.951.875	164.405.276.209	47.854.648.688	47.854.648.688
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Hà Nội	62.186.758.435	62.186.758.435	146.821.258.809	118.890.017.244	90.118.000.000	90.118.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hưng Yên	20.837.070.881	20.837.070.881	44.267.846.387	42.282.679.416	22.822.237.852	22.822.237.852
- Ngân hàng TMCP Á Châu Chi nhánh Đồng Nai (ACB)	12.356.000.000	12.356.000.000	102.809.000.000	90.834.000.000	24.331.000.000	24.331.000.000
- Vay tổ chức và cá nhân khác	29.337.133.742	29.337.133.742	22.808.463.984	20.766.495.000	31.379.102.726	31.379.102.726
	909.660.303.087	909.660.303.087	2.066.148.321.751	1.700.169.148.184	1.275.639.476.654	1.275.639.476.654

(*) Các khoản vay ngắn hạn các Ngân hàng thương mại và tổ chức các cá nhân với lãi suất từ 5,6%/năm đến 6,3%/năm được đảm bảo bằng các hợp đồng tiền gửi, hàng tồn kho hình thành từ nguồn vốn vay, quyền sở hữu nhà, đất và một số tài sản đảm bảo khác

b) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay ngắn hạn đối với các bên liên quan

	Mối quan hệ	30/06/2017		01/01/2017	
		Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
		VND	VND	VND	VND
- Ông Nguyễn Mạnh Hà	Chủ tịch HĐQT	4.317.974.529	-	12.250.320.037	-
- Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc	26.001.128.197	-	16.026.813.705	-
		30.319.102.726	-	28.277.133.742	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	846.455.640.000	21.743.395.153	(8.993.360.790)	51.546.932.622	(83.008.033.868)	12.722.594.265	840.467.167.382
Lãi/lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	254.399.203.034	4.468.226.294	258.867.429.328
Số dư cuối kỳ trước	846.455.640.000	21.743.395.153	(8.993.360.790)	51.546.932.622	171.391.169.166	17.190.820.559	1.099.334.596.710
Số dư đầu năm nay	846.455.640.000	21.743.395.153	(8.993.360.790)	51.546.932.622	373.898.475.504	25.187.096.213	1.309.838.178.702
Lãi/lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	178.784.358.336	3.710.086.609	182.494.444.945
Phân phối lợi nhuận tại công ty mẹ (*)	-	-	-	-	(83.185.564.000)	-	(83.185.564.000)
Phân phối lợi nhuận tại công ty con	-	-	-	-	-	(2.173.209.582)	(2.173.209.582)
Số dư cuối kỳ này	846.455.640.000	21.743.395.153	(8.993.360.790)	51.546.932.622	469.497.269.840	26.723.973.240	1.406.973.850.065

(*) Tạm ứng cổ tức đợt I năm 2016 bằng tiền cho các cổ đông với tỷ lệ 10% vốn điều lệ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 05/2016/NQ-HĐQT ngày 15 tháng 12 năm 2016.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Ông Nguyễn Mạnh Hà	165.254.400.000	19,52%	165.254.400.000	19,52%
Bà Phạm Thị Hồng	95.898.420.000	11,33%	95.898.420.000	11,33%
Ông Nguyễn Văn Quang	79.792.900.000	9,43%	79.792.900.000	9,43%
Các cổ đông khác	496.516.559.210	58,66%	496.516.559.210	58,66%
Cổ phiếu quỹ	8.993.360.790	1,06%	8.993.360.790	1,06%
	846.455.640.000	100%	846.455.640.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊN

G4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	846.455.640.000	846.455.640.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	846.455.640.000	846.455.640.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	846.455.640.000	846.455.640.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	83.185.564.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	83.185.564.000	-
d) Cổ phiếu		
	30/06/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành	84.645.564	84.645.564
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	84.645.564	84.645.564
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	84.645.564	84.645.564
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	1.460.000	1.460.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.460.000	1.460.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.185.564	83.185.564
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	83.185.564	83.185.564
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000
e) Các quỹ công ty		
	30/06/2017	01/01/2017
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	51.546.932.622	51.546.932.622
	51.546.932.622	51.546.932.622
22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	503.599.956.091	402.720.314.890
Doanh thu bán hàng hóa	1.750.591.006.259	1.493.540.412.869
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.791.290.826	6.129.894.593
	2.259.982.253.176	1.902.390.622.352
23 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
	2017	2016
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	470.598.731	296.408.810
Giảm giá hàng bán	15.280.099	3.968.849
	485.878.830	300.377.659

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	454.272.435.090	322.501.394.428
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.519.023.296.906	1.283.746.036.684
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.026.739.341	66.722.794
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.478.239.703)	(43.223.349.892)
	<u>1.972.844.231.634</u>	<u>1.563.090.804.014</u>

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.199.784.279	1.246.474.661
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	117.980.767	170.018.169
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	916.517.189	374.161.531
Cổ tức, lợi nhuận được chia	214.000.000	316.257.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.661.831.085	1.209.784.965
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	7.673.690
	<u>4.110.113.320</u>	<u>3.324.370.016</u>

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	35.914.815.442	26.936.212.035
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	115.753.385	-
Lỗ do bán chứng khoán kinh doanh	764.241.625	95.077.084
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	475.128.349	110.981.427
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(4.186.911.943)	(145.779.630)
Chi phí tài chính khác	306.052.673	291.490.630
	<u>33.389.079.531</u>	<u>27.287.981.546</u>

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	407.027.382	474.787.475
Chi phí nhân công	7.757.416.139	7.593.389.929
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.272.949.674	2.488.393.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.272.990.124	4.545.849.968
Chi phí khác bằng tiền	8.747.750.747	7.443.700.133
	<u>24.458.134.066</u>	<u>22.546.121.477</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	315.003.932	345.852.861
Chi phí nhân công	9.679.162.637	8.423.505.623
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.057.055.515	2.742.195.334
Thuế, phí, lệ phí	273.206.939	192.449.308
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	1.001.109.378	(1.100.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.922.162.123	3.377.832.030
Chi phí khác bằng tiền	5.912.662.266	2.559.528.158
	22.160.362.790	16.541.363.314

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	45.437.453.483	28.527.407.492
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	52.060.469	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	37.747.583.678	(3.954.121.974)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(44.327.000.180)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	38.910.097.450	24.573.285.518

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	178.784.358.336	254.399.203.034
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	178.784.358.336	254.399.203.034
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	83.185.564	83.185.564
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.149	3.058

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017.

31 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Theo nghị Quyết Hội đồng quản trị số 07/2017/NQ-HDQT ngày 28/06/2017, Công ty công bố việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu đợt 2 năm 2016. Theo đó, việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	178.784.358.336	254.399.203.034
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	178.784.358.336	178.784.358.336
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	83.185.564	83.185.564
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	8.464.556	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	<u>1.951</u>	<u>3.058</u>

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2017	6 tháng đầu năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	472.594.901.815	299.845.698.061
Chi phí nhân công	19.612.239.291	17.621.492.079
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.919.282.779	10.900.840.520
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.218.162.755	10.319.914.119
Chi phí khác bằng tiền	11.926.616.273	10.101.194.369
	<u>528.271.202.913</u>	<u>348.789.139.148</u>

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.111.420.383	-	85.175.085.583	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	356.704.568.426	(3.840.402.109)	238.358.957.400	(2.839.292.731)
Các khoản cho vay	10.620.000.000	-	10.620.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	9.707.823.450	(2.046.773.918)	17.202.950.886	(6.233.685.861)
	481.143.812.259	(5.887.176.027)	351.356.993.869	(9.072.978.592)
			Giá trị sổ kế toán	
			30/06/2017	01/01/2017
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			1.275.639.476.654	909.660.303.087
Phải trả người bán, phải trả khác			183.142.336.138	106.506.642.303
Chi phí phải trả			308.351.008	1.187.782.860
			1.459.090.163.800	1.017.354.728.250

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban điều hành Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tình không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	104.111.420.383	-	-	104.111.420.383
Phải thu khách hàng, phải thu khác	352.853.566.317	10.600.000	-	352.864.166.317
Các khoản cho vay	10.620.000.000	-	-	10.620.000.000
Đầu tư ngắn hạn	7.661.049.532	-	-	7.661.049.532
	475.246.036.232	10.600.000	-	475.256.636.232
Tại ngày 01/01/2017				
Tiền và các khoản tương đương tiền	85.175.085.583	-	-	85.175.085.583
Phải thu khách hàng, phải thu khác	235.509.064.669	10.600.000	-	235.519.664.669
Các khoản cho vay	10.620.000.000	-	-	10.620.000.000
Đầu tư ngắn hạn	10.969.265.025	-	-	10.969.265.025
	342.273.415.277	10.600.000	-	342.284.015.277

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIỀN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2017				
Vay và nợ	1.275.639.476.654	-	-	1.275.639.476.654
Phải trả người bán, phải trả khác	182.992.736.138	149.600.000	-	183.142.336.138
Chi phí phải trả	308.351.008	-	-	308.351.008
	1.458.940.563.800	149.600.000	-	1.459.090.163.800
Tại ngày 01/01/2017				
Vay và nợ	909.660.303.087	-	-	909.660.303.087
Phải trả người bán, phải trả khác	106.350.842.303	155.800.000	-	106.506.642.303
Chi phí phải trả	1.187.782.860	-	-	1.187.782.860
	1.017.198.928.250	155.800.000	-	1.017.354.728.250

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 07/2017/NQ-HĐQT ngày 28/06/2017, Công ty công bố việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu đợt 2 năm 2016 như sau:

Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông;

Mệnh giá: 10.000 đồng/ cổ phiếu;

Ngày đăng ký cuối cùng: 14/07/2017;

Tỷ lệ thanh toán: 10%/ cổ phiếu (10 cổ phiếu nhận được 1 cổ phiếu);

Thời gian thực hiện: Từ ngày 31/07/2017.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh các sản phẩm thép chiếm trên 90% tỷ trọng toàn bộ hoạt động của Công ty và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÉP TIẾN LÊNG4A, Khu phố 4, Phường Tân Hiệp,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 30/06/2017

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 20.)

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2017	2016
		VND	VND
Doanh thu		387.804.434.056	169.927.126.476
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	387.804.434.056	169.927.126.476
Mua hàng		108.537.576.815	224.645.022.136
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	108.537.576.815	224.645.022.136

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2017	01/01/2017
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		47.581.673.685	66.881.519.384
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	47.581.673.685	66.881.519.384
Ứng trước cho nhà cung cấp		2.683.398.841	6.687.724.226
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	2.683.398.841	6.687.724.226
Phải thu khác		2.133.710.975	23.912.060
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	2.133.710.975	23.912.060
Phải trả người bán ngắn hạn		5.774.893.249	5.774.893.249
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	5.774.893.249	5.774.893.249
Phải trả khác		3.624.446.357	1.451.236.775
Công ty Cổ phần Thép Bắc Nam	Công ty liên kết	-	-
Bà Phạm Thị Hồng	Tổng Giám đốc	3.624.446.357	1.451.236.775

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm	
	2017	2016	
		VND	VND
Thu nhập của Ban điều hành và Hội đồng Quản trị	1.217.334.859	1.285.611.473	

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

Đỗ Thị Kim Dung

Người lập

Đồng Nai, ngày 22 tháng 07 năm 2017

Đào Thị Kim Loan

Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Hà

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

